

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/KDTM-ST

Ngày: 29/9/2022

V/v: “*Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán
trong hợp đồng mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Xuân Thùy**.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Thanh Dung**.

2. Ông **Nguyễn Văn Thư**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Kiều Hoanh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Việt Hà** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh Thương mại thụ lý số: 05/2022/TLST-KDTM ngày 22/6/2022, về việc: “*Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-KDTM ngày 22/8/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐSt-KDTM ngày 07/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Đ, địa chỉ: Thôn H xã Tam N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q – chức danh: Giám đốc. Ông Q ủy quyền cho bà Mai Thị Thanh Th, sinh năm: 1986, địa chỉ: Thôn Thanh Tr, xã Tam N, huyện N, tỉnh Quảng Nam tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 29/9/2022. Bà Th có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH H, địa chỉ: Xóm 2, thôn Thu X, xã Nghĩa H, huyện Tư Ng, tỉnh Quảng Ngãi. Đại diện theo pháp luật: bà Thái Thị H – chức danh: Giám đốc. Bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 02/01/2020, Công ty TNHH TM & DV Đ (sau đây gọi tắt là công ty Đ) và công ty TNHH H (sau đây gọi tắt là công ty H) có giao kết hợp đồng mua bán than số 0402/2020-HĐMb. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, Công ty TNHH TM&DV

Đ bán cho Công ty TNHH H than cám 6a Quảng Ninh. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty Đ đã cung cấp đầy đủ số lượng, chủng loại và chất lượng than theo như cam kết trong hợp đồng cho công ty H. Đến ngày 30/6/2020, hai bên đối chiếu công nợ số tiền nợ phát sinh là 1.984.143.790 đồng.

Từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/3/2021, hai bên vẫn phát sinh nhiều lần mua bán than, tổng giá trị là 5.867.676.870 đồng, Công ty H đã thanh toán cho Công ty Đ 5.379.431.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 488.245.870 đồng.

Như vậy tổng số tiền nợ Công ty H còn nợ công ty Đ là 2.472.389.660 đồng.

Công ty Đ đã nhiều lần yêu cầu nhưng Công ty H không có thiện chí trả, do vậy công ty Đ làm đơn khởi kiện, yêu cầu Công ty H phải trả cho công ty Đ toàn bộ số tiền 2.472.389.660 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

Đại diện bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên không có ý kiến gì tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ của bị đơn. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH H phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.472.389.660 đồng. Phần lãi phía nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa, phát sinh từ hợp đồng mua bán than giao kết giữa nguyên đơn: Công ty TNHH TM&DV Đ, địa chỉ trụ sở: Thôn Hòa M, xã Tam N, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam và bị đơn: Công ty TNHH H, địa chỉ trụ sở: 82 Phan Đăng Lưu, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Theo thỏa thuận, hai bên thống nhất chọn Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giải quyết tranh chấp là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Núi Thành đã tiến hành niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty H không đến tham gia các phiên họp, phiên xét xử mà không có lý do chính đáng. Căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ

luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Núi Thành tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Ngày 02/01/2020, Công ty TNHH TM & DV Đ và công ty TNHH H có giao kết hợp đồng mua bán than số 0402/2020-HĐMB. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, Công ty TNHH TM&DV Đ bán cho Công ty TNHH H than cám 6a Quảng Ninh. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty Đ đã cung cấp đầy đủ số lượng, chủng loại và chất lượng than theo như cam kết trong hợp đồng cho công ty H. Tổng giá trị hợp đồng đến ngày 30/6/2020 được thể hiện qua các hóa đơn giá trị gia tăng, gồm: hóa đơn số 0000002 ngày 06/01/2020, hóa đơn số 0000003 ngày 31/01/2020, hóa đơn số 0000012 ngày 10/02/2020, hóa đơn số 0000013 ngày 20/02/2020; hóa đơn số 0000018 ngày 29/02/2020, hóa đơn số 0000025 ngày 10/3/2020, hóa đơn số 0000028 ngày 20/3/2020, hóa đơn số 0000031 ngày 31/3/2020, hóa đơn số 0000050 ngày 18/5/2020, hóa đơn số 0000054 ngày 20/5/2020, hóa đơn số 0000060 ngày 31/5/2020, hóa đơn số 0000065 ngày 11/6/2020, hóa đơn số 0000067 ngày 20/6/2020, hóa đơn số 0000070 ngày 30/6/2020. Tổng giá trị hàng hóa là: 6.732.182.190 đồng. Công ty H đã thanh toán cho Công ty Đ 4.748.038.700 đồng. Đến ngày 30/6/2020, hai bên đối chiếu công nợ số tiền nợ phát sinh là 1.984.143.790 đồng.

[3.1] Từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/3/2021, hai bên vẫn phát sinh nhiều lần mua bán than, tổng giá trị là 5.867.676.870 đồng, theo các hóa đơn như sau: hóa đơn số 0000074 ngày 10/7/2020; hóa đơn số 0000076 ngày 20/7/2020; hóa đơn số 0000082 ngày 31/7/2020; hóa đơn số 0000101 ngày 10/9/2020; hóa đơn số 0000104 ngày 20/9/2020; hóa đơn số 0000115 ngày 30/9/2020; hóa đơn số 0000121 ngày 10/10/2020; hóa đơn số 0000123 ngày 20/10/2020; hóa đơn số 0000130 ngày 05/11/2020; hóa đơn số 0000135 ngày 25/11/2020; hóa đơn số 0000145 ngày 09/12/2020; hóa đơn số 0000162 ngày 14/01/2021. Tổng giá trị hàng hóa là: 5.867.676.870 đồng. Từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/3/2021, Công ty H đã thanh toán cho Công ty Đ 5.379.431.000 đồng, theo các lần chuyển khoản đều thông qua số tài khoản 3331100085008 tại ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Núi Thành. Như vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng, tổng giá trị hợp đồng đã thực hiện là 12.599.859.360 đồng, đã thanh toán 10.127.469.700 đồng, số tiền nợ còn lại là 2.472.389.660 đồng.

[3.2] Tuy nhiên, các giao dịch mua bán phát sinh sau ngày 30/6/2020, các bên không tiến hành đối chiếu công nợ. Mặc dù phía Công ty Đ gửi thông báo công nợ, yêu cầu thanh toán công nợ nhiều lần nhưng phía Công ty H không còn hoạt động ở địa chỉ ghi trong hợp đồng giao kết giữa hai bên nhưng không có thông báo về việc thay đổi địa chỉ, gây khó khăn cho việc giải quyết công nợ.

[3.3] Xét thấy, công nợ phát sinh sau ngày 30/6/2020 theo các hóa đơn như đã nêu đã được bên Công ty Đ phát hành cho Công ty H, phía công ty H cũng đã chuyển trả tiền mua bán than cho Công ty Đ qua tài khoản ngân hàng. Ngoài các lần thanh toán này, nguyên đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh còn lần thanh toán nào khác. Bị đơn không có ý kiến phản hồi, không có lời khai tại hồ sơ,

không tham gia phiên tòa mặc dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ còn lại là 2.472.389.660 đồng. Xét thấy số tiền nợ này phát sinh từ việc mua bán than giữa hai bên là có thật. Việc nguyên đơn nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng nhưng bị đơn không trả nợ là đã vi phạm thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng mua bán than số 0402/2020-HĐMB cũng như quy định tại Điều 50, 55 Luật thương mại năm 2005 về nghĩa vụ thanh toán và thời hạn thanh toán. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 2.472.389.660 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về phần lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty TNHH H phải chịu. Hoàn lại cho tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50, Điều 55 **Luật thương mại năm 2005**; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Đ về việc: “*Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa*” đối với bị đơn Công ty TNHH H.

Buộc Công ty TNHH H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Đ số tiền 2.472.389.660 đồng (*hai tỷ bốn trăm bảy mươi hai triệu ba trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 81.447.000 đồng (*tám mươi mốt triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) Công ty TNHH H phải chịu.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 40.724.000 đồng (*bốn mươi triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0011148 ngày 22/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Thùy